

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2024
V/v ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Mai Thị Kim Hương

Ông Nguyễn Hữu Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1984 (xin vắng mặt);

Nơi thường trú: Số A Đường N, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An;

Hiện cư trú: Ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1981 (vắng mặt không lý do);

Nơi cư trú: Số A Đường N, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 07 tháng 12 năm 2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Đình K tiến tới hôn nhân do tự nguyện và được Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2012, Quyền số 01/2012 ngày 18 tháng 6 năm 2012. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng tại Phường D, thành phố T, tỉnh Long An. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông K không chăm lo cuộc sống gia đình, không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên ăn chơi, cờ bạc kéo dài. Dù bà T và gia đình ông K đã nhiều lần khuyên can nhưng ông K

vấn chứng nào tât nấy, không thay đổi tốt hơn. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ sau con chung được bốn tuổi, bà T và con đã dọn đi khỏi gia đình chồng từ năm 2016 đồng thời vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian vợ chồng sống xa nhau, ông K không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình, bỏ mặc không quan tâm gì đến vợ con, bà T phải tự mình nuôi nấng, chăm sóc, dạy dỗ mọi mặt cho con. Bà T xác định vợ chồng đã ly thân từ lâu, đến nay không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông K.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2012; do bà T nuôi dưỡng từ khi mới sinh ra cho đến hiện tại. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Đình K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông K vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Vụ án được Tòa án đưa ra xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát cho rằng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện hôn nhân giữa bà T và ông K là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, đã ly thân từ năm 2016, ông K không hợp tác trong suốt quá trình tố tụng. Nhận thấy hai người đã ly thân một thời gian dài, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận. Về con chung: bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2012 và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con là yêu cầu phù hợp. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với ông Nguyễn Đình K cư ngụ Phường D, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Đình K đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự tại nơi cư trú nhưng ông K vắng mặt trong suốt quá trình xét xử. Nguyên đơn bà

Nguyễn Thị Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T thấy rằng:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Đình K tiến tới hôn nhân do tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý và được Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18 tháng 6 năm 2012. Do đó, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà T và ông K tại địa phương nơi hai người sinh sống nhưng chính quyền địa phương không nắm được sự việc. Theo bà T trình bày thể hiện: sau khi kết hôn, bà T và ông K chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do ông K không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên ăn chơi, cờ bạc kéo dài, không có trách nhiệm với vợ con mặc dù đã được gia đình nhiều lần khuyên can. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay nhưng ông K vẫn không thay đổi tốt hơn.

[6] Ông K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện việc bà T yêu cầu ly hôn nhưng ông K không đến Tòa án cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Điều đó cho thấy ông K không còn thiết tha tình cảm vợ chồng, không muốn đoàn tụ và xây dựng đời sống hôn nhân gia đình với bà T.

[7] Từ nhận định tại [5] và [6] cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; ông K đã vi phạm quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông K.

[8] Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà T và ông K có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2012, hiện đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu này phù hợp nguyện vọng của cháu H và quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông K không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[11] Về án phí sơ thẩm : Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[12] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Đình K.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2012 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Đình K không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, cha mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí, chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0001276 ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THADS tp. Tân An;
- UBND Phường 4, tp. Tân An (nơi thực hiện việc ĐKKH);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Toàn Vẹn